

Bản án số: 20/2018/HS-ST
Ngày: 05-4-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG HỖ, TỈNH THÁI NGUYÊN
- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Minh Tuấn

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Anh Tuấn.

2. Bà Trần Thị Bích Liên.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Giang - Cán bộ
Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên tham
gia phiên tòa:* Bà Ma Thị Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 05-4-2018 tại Hội trường UBND thị trấn Trại Cau, huyện Đồng Hỷ,
Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ
án hình sự sơ thẩm, thụ lý số 19/2018/TLST-HS ngày 19 tháng 3 năm 2018, theo
Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2018/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 3 năm
2018 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn Đ, tên gọi khác: Không

Sinh ngày 03 tháng 04 năm 1966; Nơi đăng ký NKTT và chỗ ở hiện nay:
xóm H K 2, xã V, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên; Trình độ văn hóa: 7/10; Nghề
nghiệp: Làm ruộng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; con
ông: Nguyễn Văn L (đã chết) và bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1943; có vợ: Linh
Thị L, sinh năm 1963; Con: có 03 con, lớn nhất sinh năm 1985, nhỏ nhất sinh
năm 1990; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/12/2017 đến nay, có mặt tại
phiên tòa.

Người làm chứng:

Ông Nguyễn Xuân C, sinh năm 1954 (vắng mặt).

Chỗ ở hiện nay: Xóm Q, xã N, huyện Đ.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Bà Linh Thị L, sinh năm 1963 (có mặt).

Chỗ ở hiện nay: Xóm H 2, xã V, huyện Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án Đ tóm tắt như sau:

Hồi 14 giờ 45 phút ngày 07/12/2017, tổ công tác Công an huyện Đ lần nhiệm vụ tại khu vực xóm Tr, xã N, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên, đã phát hiện một người đàn ông có biểu hiện nghi vấn liên quan đến ma túy, tổ công tác đã tiếp cận và yêu cầu kiểm tra. Người đàn ông khai nhận tên là Nguyễn Văn Đ (sinh năm 1966, trú tại xóm H 2, xã V, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên). Kết quả kiểm tra đã phát hiện và thu giữ trong lòng bàn tay trái của Đ 02 gói nhỏ giấy bạc màu vàng bên trong đều chứa chất bột màu trắng (Đ khai là heroin, mua về để sử dụng cho bản thân). Ngoài ra, còn thu giữ tại túi quần bên phải phía trước Đ đang mặc 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, vỏ màu đen, đã qua sử dụng; 01 tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream, BKS 20B1-276.69. Cơ quan Công an đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, thu giữ, niêm phong vật chứng theo quy định.

Cùng ngày tiến hành cân xác định trọng lượng số chất bột màu trắng thu giữ của Nguyễn Văn Đ có trọng lượng 0,175 gam.

Hồi 17 giờ 30 phút ngày 07/12/2017, khám xét khẩn cấp nơi ở của Nguyễn Văn Đ, kết quả khám xét: Không phát hiện thu giữ gì.

Tại Bản kết luận giám định số 133/KL-PC54 ngày 14/12/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Nguyên, kết luận: Số chất bột màu trắng thu giữ của Nguyễn Văn Đ là chất ma túy, loại Heroin, có trọng lượng 0,175 gam.

Tại cơ quan điều tra, Nguyễn Văn Đ khai nhận: Bản thân là đối tượng nghiện ma túy. Khoảng 14 giờ ngày 07/12/2017, Đ một mình điều khiển xe mô tô BKS 20B1-276.69 đi từ nhà mình đến khu vực xã N, huyện Đ với mục đích để tìm mua Heroin về sử dụng cho bản thân. Khi đến khu vực chợ N, Đ đã gặp và hỏi mua của một người đàn ông không quen biết 02 gói Heroin với số tiền là 300.000 đồng. Sau khi mua được Heroin, Đ đem đến khu vực đồi keo, sau trường THCS N thuộc xóm Tr, xã N, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên để sử dụng nhưng chưa kịp sử dụng thì bị tổ công tác Công an huyện Đ phát hiện bắt quả tang như đã nêu trên.

Lời khai nhận tội của Nguyễn Văn Đ phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án như: Biên bản bắt người phạm tội quả tang, lời khai của người làm chứng, vật chứng thu giữ, kết luận giám định và các tài liệu chứng cứ khác đã thu thập Đ có trong hồ sơ vụ án.

Vật chứng thu giữ:

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream BKS 20B1-27669. Quá trình điều tra xác định chiếc xe trên không liên quan đến vụ án nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đồng Hỷ đã trả lại cho bà Linh Thị L (sinh năm 1963, trú tại xóm HK 2, xã V, huyện Đ) là vợ Đ quản lý, sử dụng;

- 02 phong bì niêm phong ký hiệu A1, Đ2; 01 chiếc điện thoại di động nhãn Nokia, vỏ màu đen, đã qua sử dụng và 200.000đ tiền Ngân hàng Nhà nước

Việt Nam. Hiện số vật chứng trên đang Đ bảo quản tại kho vật chứng và tài khoản của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ chờ xử lý.

Tại bản cáo trạng số 22/CT - VKSDH, ngày 19/3/2018 Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên đã truy tố Nguyễn Văn Đ về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự 1999.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát có quan điểm luận tội: Giữ nguyên quyết định đã truy tố đối với bị cáo như nội dung bản cáo trạng. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Đ phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”;

- Áp dụng khoản 1 Điều 194, điểm p khoản 1, 2 Điều 46 BLHS năm 1999; khoản 3 Điều 7 BLHS 2015; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017, khoản 1 Điều 249, điểm s, x khoản 1 Điều 51 BLHS 2015: Xử phạt bị cáo từ 18 đến 24 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 07/12/2017. Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 41 BLHS 1999 (nay là Điều 46 BLHS 2015), Điều 106 BLTTHS 2015:

- Trả lại cho bị cáo: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, vỏ màu đen đã qua sử dụng, số IMEI: 354579/05/074168/0.

+ Tịch thu tiêu hủy: 02 phong bì niêm phong ký hiệu A1, Đ2.

+ Tạm giữ số tiền 200.000đ để đảm bảo thi hành án cho bị cáo.

Về án phí áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, buộc bị cáo phải nộp án phí HSST theo quy định của pháp luật.

Trong phần tranh luận bị cáo không tranh luận với bản luận tội của VKS. Bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã Đ tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Hồi 14 giờ 45 phút ngày 07/12/2017, tại khu vực xóm Trại Gai, xã Nam Hòa, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên, Nguyễn văn Đ đang có hành vi tàng trữ 02 gói Heroin, có trọng lượng 0,175g, mục đích để sử dụng cho bản thân thì bị tổ công tác Công an huyện Đ phát hiện bắt quả tang và thu giữ vật chứng

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Nguyễn văn Đ đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của làm chứng, kết luận giám định và những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Hội đồng xét xử thấy, việc truy tố để xét xử đối với bị cáo về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 194 BLHS năm 1999 là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Căn cứ vào Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội quy định: “Thực hiện các quy định có lợi cho người phạm tội tại khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015”. Theo quy định tại khoản 1 Điều 194 BLHS 1999 có khung hình phạt từ 02 năm đến 07 năm, tại khoản 1 Điều 249 BLHS 2015 quy định khung hình phạt từ 01 năm đến 05 năm, Hội đồng xét xử áp dụng quy định có lợi cho bị cáo.

Nội dung khoản 1 Điều 194 BLHS 1999 như sau:

“1. Người nào ... tàng trữ trái phép chất ma túy, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm.

...

Nội dung khoản 1 Điều 249 BLHS 2015:

“1. Người nào ... tàng trữ trái phép chất ma túy, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm”...

[2]. Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS đối với bị cáo, Hội đồng xét xử thấy: Bị cáo Nguyễn Văn Đ có đầy đủ năng lực hành vi và năng lực trách nhiệm hình sự hành vi của bị cáo đã thực hiện là nguy hiểm cho xã hội xâm phạm đến các quy định của Nhà nước về quản lý và sử dụng các chất ma túy, làm phát sinh các loại tội phạm khác, gây mất trật tự trị an ở địa phương. Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, có thái độ tỏ ra ăn năn hối cải, bổ để bị cáo là Liệt sỹ nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 BLHS 1999 và điểm x khoản 1 Điều 51 BLHS 2015, bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng TNHS nào quy định tại Điều 48 BLHS 1999.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về điều luật áp dụng và hình phạt đối với bị cáo tại phiên tòa là có căn cứ, tương xứng với hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo.

[3]. Vật chứng vụ án: Cơ quan điều tra thu giữ của bị cáo: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia đã qua sử dụng và 200.000đ. Quá trình điều tra xác định không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo, vì vậy cần trả lại cho bị cáo chiếc điện thoại di động, số tiền cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án cho bị cáo, vật chứng là số ma túy được niêm phong trong các phong bì ký hiệu A1, Đ2 cần tịch thu tiêu hủy theo quy định. Cơ quan điều tra còn thu giữ của bị cáo 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA, BKS 20B1 – 276.69, quá trình điều tra, cơ quan điều tra đã trả lại cho bà Linh Thị L (là vợ bị cáo Đ), bà L không có đề nghị gì đối với bị cáo nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Bị cáo phải chịu án phí HSST và quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[4]. Quá trình khởi tố vụ án, điều tra, truy tố và xét xử, điều tra viên, kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng thực hiện trong vụ án đảm bảo hợp pháp và đúng quy định của pháp luật.

Trong vụ án này, theo Nguyễn Văn Đ khai: Về nguồn gốc số ma túy là do Đ mua của một người đàn ông không quen biết ở khu vực chợ N, xã N, huyện Đ. Do không xác định được lai lịch, địa chỉ của người đàn ông trên nên Cơ quan điều tra Công an huyện Đ không có cơ sở để điều tra xử lý.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn Đ phạm tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

1. Về hình phạt: Áp dụng: Khoản 1 Điều 194, điểm p khoản 1 Điều 46 BLHS năm 1999, Nghị quyết số 41/2017/QH14, khoản 3 Điều 7, khoản 1 Điều 249, điểm x khoản 1 Điều 51 BLHS 2015: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ: 18 (mười tám) tháng tù giam, thời hạn tù tính từ ngày 07/12/2017.

Căn cứ vào Điều 329 BLTTHS năm 2015: Quyết định tạm giam Nguyễn Văn Đ 45 (bốn mươi lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

2. Vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 41 BLHS 1999, Điều 106 BLTTHS 2015:

- Tịch thu tiêu hủy: 02 bì niêm phong ký hiệu A1, Đ2.
- Trả lại cho bị cáo 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA, vỏ màu đen, đã qua sử dụng, có số IMEI: 354579/05/074168/0.
- Tạm giữ số tiền: 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) để đảm bảo thi hành án cho bị cáo.

(Tình trạng vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 29 tháng 3 năm 2018; số tiền theo ủy nhiệm chi số 28 ngày 26/3/2018 giữa Công an huyện Đ với Chi cục THADS huyện Đ).

3. Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, buộc bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí HSST vào ngân sách nhà nước.

Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Đ;
- TAND tỉnh TN;
- Chi cục THADS Đ;
- Sở tư pháp TN;
- Bị cáo; NLQ;
- Lưu hồ sơ vụ án;

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đặng Minh Tuấn

